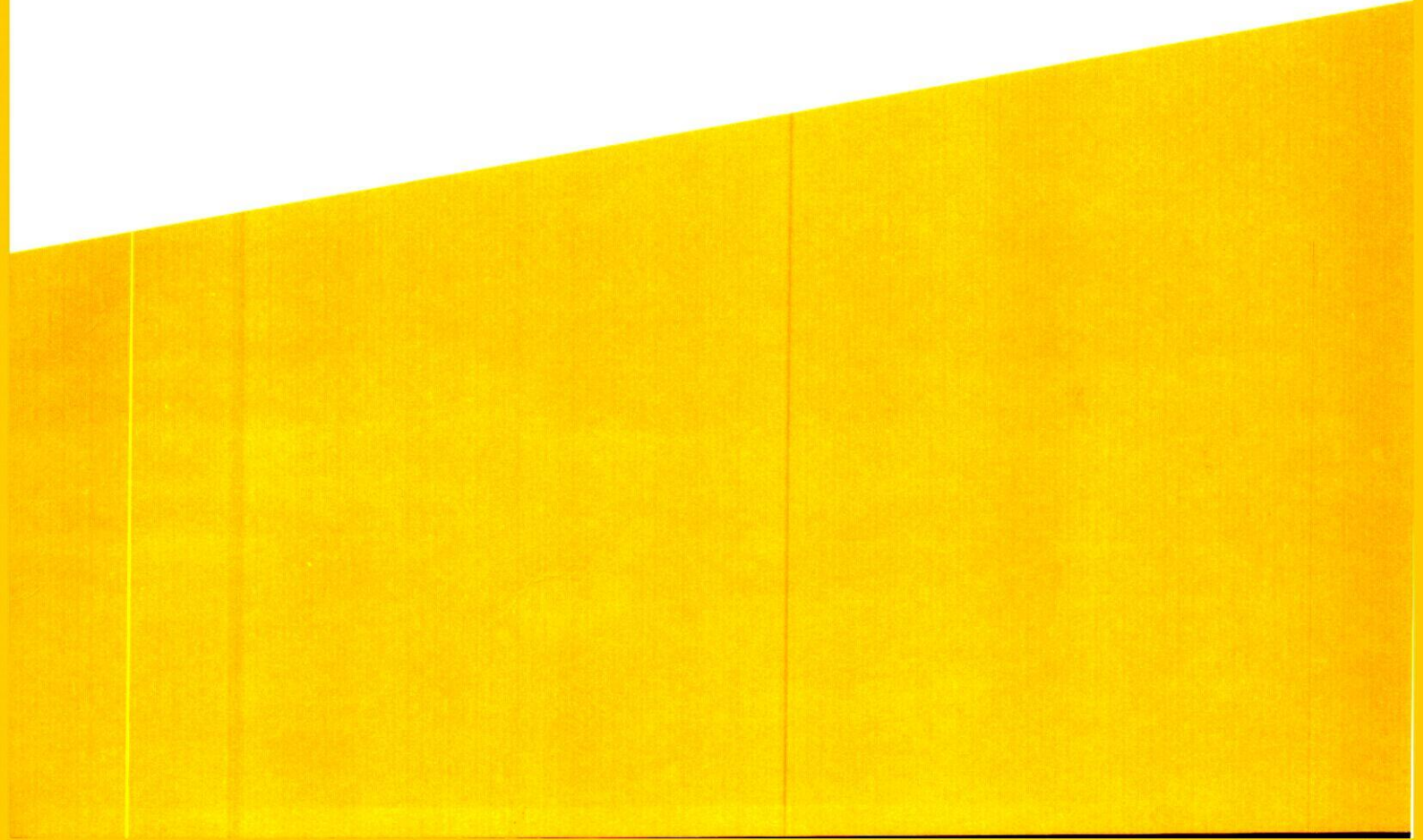




EY

**Building a better
working world**



**Công ty Cổ phần Dầu khí
Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 27

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Trương Hoàng Hải	Thành viên
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Phúc	Thành viên
Ông Trần Nhân Tâm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên
Bà Trần Thị Lam Giang	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Hoàng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Trương Hoàng Hải	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12348132/67726514/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (“Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		430.759.087.046	537.649.102.008
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	54.518.709.003	103.248.204.977
111	1. Tiền		398.709.003	1.628.204.977
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.120.000.000	101.620.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		292.013.923.113	430.105.782.615
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	267.032.637.424	417.696.218.816
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	10.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.981.285.689	12.409.563.799
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		84.226.454.930	4.295.114.416
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		29.287.922	54.454.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	84.164.339.549	4.207.832.378
153	3. Thuế phải thu Nhà nước	12	32.827.459	32.827.459
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.347.986.556.786	3.899.185.597.631
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.883.366.000	3.883.366.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	3.861.366.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.593.383.768	4.970.737.300
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	4.593.383.768	4.970.737.300
222	Nguyên giá		12.334.449.587	12.334.449.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.741.065.819)	(7.363.712.287)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		41.733.000	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.733.000)	(41.733.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.339.509.807.018	3.890.264.266.325
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	5.339.509.807.018	3.890.264.266.325
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	67.228.006
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	67.228.006
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.778.745.643.832	4.436.834.699.639

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.692.887.670.463	2.347.557.310.931
310	I. Nợ ngắn hạn		409.368.047.763	1.199.620.056.508
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	257.644.879.604	2.362.998.048
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	306.053.284	103.225.912
314	3. Phải trả người lao động		2.035.534.873	1.193.388.466
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	13	22.235.026.151	1.071.787.190.231
320	5. Vay ngắn hạn	14	126.100.000.000	123.000.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.046.553.851	1.173.253.851
330	II. Nợ dài hạn		3.283.519.622.700	1.147.937.254.423
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	1.117.101.501.370	-
338	2. Vay dài hạn	14	2.166.418.121.330	1.147.937.254.423
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.085.857.973.369	2.089.277.388.708
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	2.085.857.973.369	2.089.277.388.708
411	1. Vốn cổ phần		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.835.000.000	91.835.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	5. Lỗ lũy kế		(17.332.597.637)	(13.913.182.298)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(13.913.182.298)	(7.113.769.231)
421b	- Lỗ kỳ này		(3.419.415.339)	(6.799.413.067)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.778.745.643.832	4.436.834.699.639

Phạm Thị Tố Uyên

Phạm Thị Tố Uyên
Người lập

Nguyễn Duy Hòa

Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải

Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	16	4.477.000.000	-
22	2. Chi phí tài chính	17	(4.850.403.600)	-
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(3.046.011.739)	(3.251.494.729)
30	4. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.419.415.339)	(3.251.494.729)
32	5. Chi phí khác		-	(54.731.700)
40	6. Lỗ khác		-	(54.731.700)
50	7. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(3.419.415.339)	(3.306.226.429)
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	-	-
60	9. Lỗ sau thuế TNDN		(3.419.415.339)	(3.306.226.429)
70	10. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	15.5	(17)	(17)
71	11. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	15.5	(17)	(17)

Phạm Thị Tố Uyên
Người lập

Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(3.419.415.339)	(3.306.226.429)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		246.218.468	463.352.016
05	Lãi tiền gửi		(1.454.409.312)	(3.159.082.210)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.627.606.183)	(6.001.956.623)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(82.587.487.472)	572.229.367
11	Tăng các khoản phải trả		68.594.311.069	61.495.056.364
12	Giảm chi phí trả trước		92.394.663	3.146.345
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(19.168.511.080)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(126.700.000)	(423.614.547)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(18.655.087.923)	36.476.349.826
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.043.168.942.681)	(1.334.658.364.678)
23	Tiền chi cho vay	6	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	6	10.000.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		1.513.667.723	4.330.665.334
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.051.655.274.958)	(1.350.327.699.344)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu		-	(54.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	14	1.045.624.139.551	906.959.511.994
34	Tiền trả nợ gốc vay	14	(24.043.272.644)	(132.399.672.978)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.021.580.866.907	774.505.839.016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(48.729.495.974)	(539.345.510.502)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		103.248.204.977	635.549.247.711
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	54.518.709.003	96.203.737.209



Phạm Thị Tố Uyên
Người lập



Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3601010336 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 7 năm 2021, với mã chứng khoán "PAP".

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 18 (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 29).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	-	26.443.572
Tiền gửi ngân hàng	398.709.003	1.601.761.405
Các khoản tương đương tiền (*)	54.120.000.000	101.620.000.000
TỔNG CỘNG	54.518.709.003	103.248.204.977

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là ba tháng và hưởng lãi suất từ 1,9%/năm đến 2,1%/năm .

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	267.032.637.424	417.696.218.816
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 20)	249.015.433.849	259.008.589.776
Công ty TNHH Ngân Hàng Phần mềm		
Tổng hợp Việt Nam	6.754.516.984	7.439.134.984
Công ty Cổ phần Unico Vina	5.992.444.800	5.992.444.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Idico	722.000.000	722.000.000
Công ty TNHH MTV Môi Trường Phúc An Khang	659.175.000	670.254.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng –		
Kỹ thuật biển	226.455.880	1.334.614.560
Mitsui E&S Machinery Company Limited	-	141.441.846.000
Khác	3.662.610.911	1.087.333.946
Dài hạn	3.861.366.000	3.861.366.000
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn	3.861.366.000	3.861.366.000
TỔNG CỘNG	270.894.003.424	421.557.584.816

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bên liên quan	-	20.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000

Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty như sau:

Bên liên quan	Số cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu xây dựng Sài Gòn	10.000.000.000	Ngày 5 tháng 1 năm 2025	7,5	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí triển khai và xây dựng dự án	3.350.700.898.656	2.030.787.214.380
Bồi thường giải phóng mặt bằng	1.544.934.377.792	1.544.934.377.792
Lãi vay và chi phí sử dụng vốn được vốn hóa (i)	347.427.568.220	225.069.905.094
Thiết kế bản vẽ thi công	21.514.193.266	21.180.859.933
Khảo sát địa chất	17.027.096.865	17.027.096.865
Rà phá bom mìn	15.570.740.040	15.570.740.040
Lập dự án đầu tư	14.815.194.684	11.458.463.203
Khác	27.519.737.495	24.235.609.018
TỔNG CỘNG	<u>5.339.509.807.018</u>	<u>3.890.264.266.325</u>

- (i) Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay và chi phí sử dụng vốn liên quan đến các khoản vay và khoản vốn nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền lần lượt là 60.535.504.222 VND và 61.822.158.904 VND (Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 16.878.537.226 VND và 61.482.476.712 VND).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giá gốc	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>(8.000.000.000)</u>
Giá trị còn lại	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty sở hữu 10% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("SOPEWACO"), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3601050089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 9 năm 2008. SOPEWACO có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, SOPEWACO đang dừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Mitsui E&S Company Limited	255.496.718.800	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình 625	1.029.374.999	1.631.948.235
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	133.200.000	133.200.000
Khác	985.585.805	597.849.813
TỔNG CỘNG	<u>257.644.879.604</u>	<u>2.362.998.048</u>

12. THUẾ

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4.207.832.378	105.618.869.931	(25.662.362.760)	84.164.339.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.827.459	-	-	32.827.459
TỔNG CỘNG	<u>4.240.659.837</u>	<u>105.618.869.931</u>	<u>(25.662.362.760)</u>	<u>84.197.167.008</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	(103.225.912)	(428.938.928)	226.111.556	(306.053.284)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	22.235.026.151	1.071.787.190.231
Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương	13.345.884.000	13.345.884.000
Lãi vay phải trả bên khác	8.280.244.779	3.072.942.660
HĐHTKD với Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa ("Tín Nghĩa") (*)	-	1.033.200.000.000
Phải trả lợi nhuận cố định phân chia từ HĐHTKD với Tín Nghĩa	-	22.079.342.466
Khác	608.897.372	89.021.105
Dài hạn	1.117.101.501.370	-
HĐHTKD với Tín Nghĩa (*)	1.033.200.000.000	-
Phải trả lợi nhuận cố định phân chia từ HĐHTKD với Tín Nghĩa	83.901.501.370	-
TỔNG CỘNG	<u>1.139.336.527.521</u>	<u>1.071.787.190.231</u>

(*) Vào ngày 27 tháng 10 năm 2022, Công ty đã ký kết HĐHTKD với Tín Nghĩa, với tổng giá trị là 2.066.400.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 953/NQ-PAP ngày 31 tháng 8 năm 2022. Theo đó, Tín Nghĩa sẽ góp vốn đầu tư xây dựng và nhận lại giá trị phí sử dụng hạ tầng hoặc tỷ suất lợi nhuận cố định là 12%/năm trên khu đất hợp tác tại Dự án Khu Công nghiệp cảng Phước An với tổng diện tích là 600.000 m2.

Công ty nhận khoản vốn góp đầu tư xây dựng đợt 1, với giá trị 1.033.200.000.000 VND trong giai đoạn từ ngày 28 tháng 10 năm 2022 đến ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2024, Công ty và Tín Nghĩa đã thực hiện gia hạn thời hạn hợp tác kinh doanh đến ngày 26 tháng 4 năm 2026. Theo đó, giá trị vốn đầu tư từ HĐHTKD và lợi nhuận tương ứng phải trả được phân loại qua phải trả dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VAY

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ
Ngắn hạn	123.000.000.000	3.100.000.000	-	126.100.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 14.1)	123.000.000.000	3.100.000.000	-	126.100.000.000
Dài hạn	1.147.937.254.423	1.042.524.139.551	(24.043.272.644)	2.166.418.121.330
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.2)	1.147.937.254.423	1.042.524.139.551	(24.043.272.644)	2.166.418.121.330
TỔNG CỘNG	1.270.937.254.423	1.045.624.139.551	(24.043.272.644)	2.292.518.121.330

14.1 Vay ngắn hạn

Công ty thực hiện vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	<u>126.100.000.000</u>	Ngày 29 tháng 9 năm 2024	8,1	Tín chấp

14.2 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty thực hiện vay dài hạn từ ngân hàng thương mại nhằm phục vụ quá trình xây dựng Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch	<u>2.166.418.121.330</u>	Ngày 5 tháng 1 năm 2035	Lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5 - 4%	Công trình và máy móc tại Cảng Phước An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	14.981.285.689	12.409.563.799
Thuế giá trị gia tăng được hoàn	13.259.644.525	11.640.554.409
Tạm ứng cho nhân viên	1.257.145.761	295.255.576
Lãi tiền gửi phải thu	297.288.111	356.546.522
Ký quỹ, ký cược	61.700.000	61.700.000
Khác	105.507.292	55.507.292
Dài hạn	22.000.000	22.000.000
Ký quỹ, ký cược	22.000.000	22.000.000
TỔNG CỘNG	15.003.285.689	12.431.563.799

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.908.403.636	8.075.088.316	350.957.635	12.334.449.587
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	3.908.403.636	2.003.751.818	350.957.635	6.263.113.089
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(3.799.836.880)	(3.212.917.772)	(350.957.635)	(7.363.712.287)
Khấu hao trong kỳ	(108.566.756)	(268.786.776)	-	(377.353.532)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(3.908.403.636)	(3.481.704.548)	(350.957.635)	(7.741.065.819)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	108.566.756	4.862.170.544	-	4.970.737.300
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	4.593.383.768	-	4.593.383.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.934.000.000	2.069.929.634	(7.113.769.231)	2.096.175.801.775
Chi phí tư vấn phát hành cổ phần	-	-	(99.000.000)	-	-	(99.000.000)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(3.306.226.429)	(3.306.226.429)
Vào Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>9.285.641.372</u>	<u>91.835.000.000</u>	<u>2.069.929.634</u>	<u>(10.419.995.660)</u>	<u>2.092.770.575.346</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.000.000.000.000	9.285.641.372	91.835.000.000	2.069.929.634	(13.913.182.298)	2.089.277.388.708
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	-	(3.419.415.339)	(3.419.415.339)
Vào Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>9.285.641.372</u>	<u>91.835.000.000</u>	<u>2.069.929.634</u>	<u>(17.332.597.637)</u>	<u>2.085.857.973.369</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	40.197.900	20,10	40.197.900	20,10
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	17,50	35.000.000	17,50
Cổ đông khác	124.802.100	62,40	124.802.100	62,40
TỔNG CỘNG	200.000.000	100	200.000.000	100

15.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vào ngày 31 tháng 12 và ngày 30 tháng 6	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000.000</u>

15.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	200.000.000	200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023:
10.000 VND/cổ phiếu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(3.419.415.339)	(3.306.226.429)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
<i>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</i>	<i>(17)</i>	<i>(17)</i>
<i>Lỗ suy giảm trên cổ phiếu</i>	<i>(17)</i>	<i>(17)</i>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>4.477.000.000</u>	<u>-</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>4.850.403.600</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lương	1.845.218.838	1.808.242.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	906.145.686	927.891.184
Chi phí khấu hao	246.218.468	463.352.016
Khác	48.428.747	52.008.758
TỔNG CỘNG	<u>3.046.011.739</u>	<u>3.251.494.729</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lỗ kế toán trước thuế	<u>(3.419.415.339)</u>	<u>(3.306.226.429)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(683.883.068)	(661.245.286)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thuế hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ chuyển sang các năm sau	644.283.068	549.045.286
Chi phí không được trừ	39.600.000	112.200.000
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>-</u>

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Lỗ thuế khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.3 Lỗ thuế chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 12.291.418.662 (31 tháng 12 năm 2023: 18.978.036.317 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
2018	2023	12.930.119.055	(3.022.086.061)	(9.908.032.994)
2021	2026	1.379.464.280	-	1.379.464.280
2022	2027	1.287.125.976	-	1.287.125.976
2023	2028	6.403.413.067	-	6.403.413.067
2024	2029	3.221.415.339	-	3.221.415.339
TỔNG CỘNG		25.221.537.717	(3.022.086.061)	(9.908.032.994)
				12.291.418.662

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Công ty mẹ cao nhất của Cổ đông	Thi công dự án	308.430.738.455	814.956.350.124
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Bên liên quan của Cổ đông	Lãi vay Vay	5.030.455.068 3.100.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn	Bên liên quan của Cổ đông	Cho vay Thu hồi cho vay Lãi cho vay	20.000.000.000 10.000.000.000 723.287.672	- - 105.205.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Công ty mẹ cao nhất của Cổ đồng	Thi công dự án	<u>249.015.433.849</u>	<u>259.008.589.776</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Bên liên quan của Cổ đồng	Lãi vay	<u>6.605.545.478</u>	<u>1.575.090.410</u>
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hiệp Hòa	Bên liên quan của Cổ đồng	Vay	<u>126.100.000.000</u>	<u>123.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Họ và tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Thành Đạt	Chủ tịch	27.000.000	27.000.000
Trương Hoàng Hải	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	241.090.000	177.080.000
Đào Minh Tùng	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	256.235.258	267.343.676
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Nguyễn Thái Phúc	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Trần Nhân Tâm	Thành viên	27.000.000	27.000.000
Trần Ngọc Dũng	Thành viên trước đây	-	27.000.000
Ban Kiểm soát			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	127.922.272	137.948.492
Đào Đức Mạnh	Thành viên	115.288.272	125.314.492
Trần Thị Lam Giang	Thành viên	16.200.000	-
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên trước đây	-	16.200.000
		<u>891.735.802</u>	<u>885.886.660</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 14 tháng 6 năm 2023, Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 380.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 45/NQ-PAP. Theo đó, Công ty sẽ phát hành riêng lẻ 38.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị tối thiểu 380.000.000.000 VND cho các nhà đầu tư.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ nói trên theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 65/NQ-PAP.

Việc phát hành cổ phiếu này đã được hoàn thành vào ngày 23 tháng 7 năm 2024, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 32.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.000.000.000.000 VND lên 2.320.000.000.000 VND.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu này là 384.000.000.000 VND.

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn Số 4692/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu này của Công ty.

Công ty đã đệ trình hồ sơ đăng ký thay đổi vốn cổ phần cho Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai và được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai chấp thuận điều chỉnh GCNĐKDN lần thứ 12 vào ngày 7 tháng 8 năm 2024 về liên quan đến việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.320.000.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Tố Uyên
Người lập



Nguyễn Duy Hòa
Kế toán trưởng



Trương Hoàng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2024